BỘ Y TẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20 /2021/TT-BYT	*Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2021*

THÔNG TƯ
Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chi tiết việc phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

2. Thông tư này không quy định về quản lý chất thải phóng xạ phát sinh từ hoạt động y tế. Việc quản lý chất thải phóng xạ phát sinh từ hoạt động y tế thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ sở y tế bao gồm cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giấy phép hoạt động theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng, cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở nghiên cứu, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, thử nghiệm y, dược và có phát sinh chất thải y tế; các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến quản lý chất thải y tế trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chất thải y tế* là chất thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở y tế, bao gồm chất thải y tế nguy hại, chất thải rắn thông thường, khí thải, chất thải lỏng không nguy hại và nước thải y tế.

2. *Chất thải lây nhiễm* là chất thải thấm, dính, chứa máu của cơ thể hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh.

3. *Thu gom chất thải y tế* là quá trình tập hợp chất thải y tế từ nơi phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải y tế tạm thời hoặc về nơi xử lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

Chương 2
PHÂN ĐỊNH, PHÂN LOẠI, THU GOM, LƯU GIỮ, GIẢM THIỂU, TÁI CHẾ, BÀN GIAO CHẤT THẢI Y TẾ

Điều 4. Phân định chất thải y tế

1. Chất thải y tế nguy hại bao gồm chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm.

2. Chất thải lây nhiễm bao gồm:

a) Chất thải lây nhiễm sắc nhọn bao gồm kim tiêm, bơm liền kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, kim chọc dò, kim châm cứu, lưỡi dao mổ, đinh, cưa dùng trong phẫu thuật, các ống tiêm, mảnh thuỷ tinh vỡ, các vật sắc nhọn khác đã qua sử dụng thải bỏ có dính, chứa máu của cơ thể hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh;

b) Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn bao gồm bông, băng, gạc, găng tay, các chất thải không sắc nhọn khác thấm, dính, chứa máu của cơ thể, chứa vi sinh vật gây bệnh; vỏ lọ vắc xin thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực thải bỏ; chất thải lây nhiễm dạng lỏng (bao gồm dịch dẫn lưu sau phẫu thuật, thủ thuật y khoa, dịch thải bỏ chứa máu của cơ thể người hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh);

c) Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao bao gồm mẫu bệnh phẩm, dụng cụ đựng, dính mẫu bệnh phẩm, chất thải dính mẫu bệnh phẩm thải bỏ từ các phòng xét nghiệm tương đương an toàn sinh học cấp II trở lên; các chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly, khu vực điều trị cách ly, khu vực lấy mẫu xét nghiệm người bệnh mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm nhóm A, nhóm B;

d) Chất thải giải phẫu bao gồm mô, bộ phận cơ thể người thải bỏ, xác động vật thí nghiệm;

3. Chất thải nguy hại không lây nhiễm bao gồm:

a) Hóa chất thải bỏ có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;

b) Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;

c) Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;

d) Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thuỷ ngân, cadimi (Cd); pin, ắc quy thải bỏ; vật liệu tráng chì sử dụng trong ngăn tia xạ thải bỏ;

đ) Dung dịch rửa phim X- Quang, nước thải từ thiết bị xét nghiệm, phân tích và các dung dịch thải bỏ có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;

e) Chất thải y tế khác có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất.

4. Chất thải rắn thông thường bao gồm:

a) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt thường ngày của nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh, học viên, khách đến làm việc và các chất thải ngoại cảnh trong cơ sở y tế (trừ chất thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực cách ly, điều trị người mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm);

b) Hóa chất thải bỏ không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;

c) Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;

d) Vỏ lọ vắc xin thải bỏ không thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực;

đ) Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;

e) Chất thải lây nhiễm sau khi đã xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

g) Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại; tro, xỉ từ lò đốt chất thải rắn y tế không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;

h) Chất thải rắn thông thường khác;

i) Danh mục chất thải rắn thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Khí thải bao gồm khí thải phát sinh từ phòng xét nghiệm tác nhân gây bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, lây truyền qua đường không khí; khí thải từ phòng xét nghiệm an toàn sinh học cấp III trở lên.

6. Chất thải lỏng không nguy hại bao gồm dung dịch thuốc, hoá chất thải bỏ không thuộc nhóm gây độc tế bào, không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất, không chứa yếu tố nguy hại vượt ngưỡng, không chứa vi sinh vật gây bệnh.

7. Nước thải y tế gồm nước thải phát sinh từ hoạt động chuyên môn trong cơ sở y tế. Trường hợp nước thải sinh hoạt thải chung vào hệ thống thu gom nước thải y tế thì được quản lý như nước thải y tế.

Điều 5. Bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế

1. Bao bì (túi), dụng cụ (thùng, hộp, can), thiết bị lưu chứa chất thải y tế phải bảo đảm lưu chứa an toàn chất thải, có khả năng chống thấm, chống rò rỉ và có kích thước phù hợp với lượng chất thải lưu chứa. Trên bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải phải có tên loại chất thải lưu chứa và biểu tượng theo quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Màu sắc của bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế theo quy định tại các khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 6 Thông tư này.

3. Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải phải có nắp đóng, mở thuận tiện trong quá trình sử dụng, có thể tái sử dụng sau khi đã được làm sạch và khử khuẩn.

4. Dụng cụ đựng chất thải sắc nhọn phải có thành, đáy cứng, kháng thủng, miệng thùng, dụng cụ được thiết kế an toàn tránh tràn đổ, rơi vãi chất thải ra bên ngoài.

5. Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải lây nhiễm phải có nắp đậy kín và chống được sự xâm nhập của các loài động vật.

6. Dụng cụ, thiết bị lưu chứa hóa chất thải phải được làm bằng vật liệu không có phản ứng với chất thải lưu chứa và có khả năng chống được sự ăn mòn nếu lưu chứa chất thải có tính ăn mòn.

7. Dụng cụ lưu chứa chất thải nguy hại dạng lỏng phải có nắp đậy kín chống bay hơi, tràn đổ.

8. Bao bì, dụng cụ đựng chất thải y tế xử lý bằng phương pháp đốt thì không sử dụng vật liệu làm bằng nhựa PVC.

Điều 6. Phân loại chất thải y tế

1. Nguyên tắc phân loại chất thải y tế:

a) Chất thải y tế phải phân loại để quản lý ngay tại nơi phát sinh và tại thời điểm phát sinh;

b) Từng loại chất thải y tế phải phân loại riêng vào trong bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải theo quy định tại Điều 5 Thông tư này. Trường hợp các chất thải y tế nguy hại không có khả năng phản ứng, tương tác với nhau và

áp dụng cùng một phương pháp xử lý có thể được phân loại chung vào cùng một bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa (trừ chất thải lây nhiễm sắc nhọn);

c) Trường hợp chất thải lây nhiễm để lẫn với chất thải khác thì hỗn hợp chất thải đó phải thu gom, lưu giữ và xử lý như chất thải lây nhiễm và tiếp tục thực hiện quản lý theo tính chất của chất thải sau xử lý.

2. Vị trí đặt bao bì, dụng cụ phân loại chất thải:

a) Tại khoa, phòng, bộ phận: bố trí vị trí phù hợp, an toàn để đặt bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa để phân loại chất thải y tế;

b) Tại vị trí đặt bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa phải có hướng dẫn cách phân loại và thu gom chất thải.

3. Phân loại chất thải lây nhiễm:

a) Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: bỏ vào trong thùng hoặc hộp kháng thủng và có màu vàng;

b) Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: bỏ vào trong thùng có lót túi và có màu vàng;

c) Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: bỏ vào trong thùng có lót túi và có màu vàng;

d) Chất thải giải phẫu: bỏ vào trong 2 lần túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu vàng;

đ) Chất thải lây nhiễm dạng lỏng: chứa trong túi kín hoặc dụng cụ lưu chứa chất lỏng và có nắp đậy kín.

4. Phân loại chất thải nguy hại không lây nhiễm:

a) Chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải nguy hại để lưu giữ trong các bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa phù hợp. Được sử dụng chung bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa đối với các chất thải nguy hại có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp;

b) Chất thải nguy hại không lây nhiễm ở dạng rắn: đựng trong túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu đen;

c) Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng: chứa trong dụng cụ lưu chứa chất lỏng có nắp đậy kín, có mã, tên loại chất thải lưu chứa.

5. Phân loại chất thải rắn thông thường:

a) Chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế: đựng trong túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu xanh. Chất thải sắc nhọn đựng trong dụng cụ kháng thủng;

b) Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế: đựng trong túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu trắng.

6. Phân loại chất thải lỏng không nguy hại: chứa trong dụng cụ đựng chất thải lỏng có nắp đậy kín, có tên loại chất thải lưu chứa.

Điều 7. Thu gom chất thải y tế

1. Thu gom chất thải lây nhiễm:

a) Cơ sở y tế quy định luồng đi và thời điểm thu gom chất thải lây nhiễm phù hợp để hạn chế ảnh hưởng đến khu vực chăm sóc người bệnh và khu vực khác trong cơ sở y tế;

b) Dụng cụ thu gom chất thải phải bảo đảm kín, không rò rỉ dịch thải trong quá trình thu gom;

c) Chất thải lây nhiễm phải thu gom riêng từ nơi phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải tạm thời trong cơ sở y tế. Trước khi thu gom, túi đựng chất thải phải buộc kín miệng, thùng đựng chất thải phải có nắp đậy kín;

d) Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phải xử lý sơ bộ ở gần nơi phát sinh chất thải để loại bỏ mầm bệnh bằng thiết bị khử khuẩn. Đối với cơ sở y tế không có thiết bị khử khuẩn chất thải, trước khi thu gom túi đựng chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phải buộc kín miệng túi và tiếp tục bỏ vào túi đựng chất thải lây nhiễm thứ 2, buộc kín miệng túi và bỏ vào thùng thu gom chất thải lây nhiễm, bên ngoài thùng có dán nhãn "CHẤT THẢI CÓ NGUY CƠ LÂY NHIỄM CAO", được thu gom, lưu giữ riêng tại khu lưu giữ chất thải lây nhiễm để xử lý hoặc chuyển cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định;

đ) Chất thải lây nhiễm dạng lỏng thu gom vào hệ thống thu gom nước thải y tế của cơ sở y tế và quản lý theo quy định về quản lý nước thải y tế;

e) Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế tối thiểu một lần một ngày. Đối với các cơ sở y tế có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 05 kg trong một ngày, chất thải lây nhiễm được thu gom với tần suất tối thiểu một lần một ngày, chất thải lây nhiễm sắc nhọn được thu gom tối thiểu là một lần một tháng.

2. Thu gom chất thải nguy hại không lây nhiễm:

a) Chất thải nguy hại không lây nhiễm được thu gom, lưu giữ riêng tại khu lưu giữ chất thải trong cơ sở y tế;

b) Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thuỷ ngân được thu gom và lưu giữ riêng trong các hộp bằng nhựa hoặc các vật liệu phù hợp, bảo đảm không bị rò rỉ, phát tán hơi thuỷ ngân ra môi trường.

3. Thu gom chất thải rắn thông thường: chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế và chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế được thu gom riêng.

4. Thu gom chất thải lỏng không nguy hại: chất thải lỏng không nguy hại được thu gom vào hệ thống thu gom nước thải của cơ sở y tế và quản lý theo quy định về quản lý nước thải y tế.

5. Khí thải phải được xử lý, loại bỏ các vi sinh vật gây bệnh trước khi xả ra môi trường xung quanh.

6. Thu gom nước thải:

a) Hệ thống thu gom nước thải phải là hệ thống kín và bảo đảm thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong cơ sở y tế;

b) Nước thải y tế được thu gom và xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý nước thải.

Điều 8. Lưu giữ chất thải y tế

1. Cơ sở y tế bố trí khu vực lưu giữ chất thải y tế trong khuôn viên cơ sở y tế đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Bệnh viện và cơ sở y tế xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm phải có khu vực lưu giữ chất thải y tế đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Mục A Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Cơ sở y tế không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a Khoản này lưu giữ chất thải y tế đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Mục B Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Từng loại chất thải phải được lưu giữ riêng tại khu vực lưu giữ chất thải tạm thời trong khuôn viên cơ sở y tế, trừ trường hợp các loại chất thải này có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp.

3. Thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm:

a) Đối với chất thải lây nhiễm phát sinh tại cơ sở y tế, thời gian lưu giữ không quá 02 ngày trong điều kiện bình thường. Trường hợp lưu giữ chất thải lây nhiễm trong thiết bị bảo quản lạnh ở nhiệt độ dưới 8°C, thời gian lưu giữ tối đa không quá 07 ngày;

b) Đối với chất thải lây nhiễm được vận chuyển từ cơ sở y tế khác về để xử lý theo mô hình cụm hoặc xử lý tập trung, phải xử lý ngay trong ngày. Trường hợp chưa xử lý ngay trong ngày, phải lưu giữ ở nhiệt độ dưới 20°C và thời gian lưu giữ tối đa không quá 02 ngày;

c) Đối với cơ sở y tế có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 05 kg/ngày, thời gian lưu giữ không quá 03 ngày trong điều kiện bình thường và phải được lưu giữ trong các bao bì được buộc kín hoặc thiết bị lưu chứa được đậy nắp kín.

4. Thời gian lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm: thời gian lưu giữ không quá 01 năm kể từ thời điểm phát sinh chất thải. Trường hợp lưu giữ quá 01 năm do chưa có phương án vận chuyển, xử lý hoặc chưa tìm được cơ sở xử lý chất thải nguy hại phù hợp thì cơ sở y tế phải báo cáo bằng văn bản riêng hoặc kết hợp trong báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế hằng năm của đơn vị cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 13 Thông tư này và cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

5. Đối với các cơ sở y tế ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo khó khăn, không có biện pháp xử lý phù hợp thì chất thải lây nhiễm sắc nhọn được lưu giữ an toàn trong bể bê tông trong khuôn viên cơ sở y tế sau khi đã xử lý tiệt khuẩn chất thải và phải có biển cảnh báo tại khu vực lưu giữ chất thải.

Điều 9. Giảm thiểu chất thải y tế

Cơ sở y tế phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải y tế sau đây:

1. Mua sắm, lắp đặt, sử dụng vật tư, thiết bị, dụng cụ, thuốc, hóa chất và các nguyên, vật liệu phù hợp với nhu cầu sử dụng.

2. Đổi mới thiết bị, quy trình trong hoạt động chuyên môn y tế và các biện pháp khác để giảm thiểu phát sinh chất thải y tế.

3. Có biện pháp, lộ trình và thực hiện hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, túi ni lông khó phân huỷ nhằm giảm thiểu phát sinh chất thải nhựa.

4. Phân loại chất thải nhựa để tái chế hoặc xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quản lý chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế

1. Trên cơ sở Danh mục chất thải rắn thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này, cơ sở y tế ban hành danh mục chất thải rắn thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế phù hợp với tình hình phát sinh chất thải của đơn vị.

2. Chất thải lây nhiễm sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được quản lý như chất thải rắn thông thường và được phép thu gom

để tái chế. Khi chuyển giao chất thải, cơ sở y tế phải bảo đảm bao bì lưu chứa chất thải được buộc kín, bên ngoài bao bì có biểu tượng chất thải tái chế theo quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này và ghi đầy đủ thông tin vào Sổ bàn giao chất thải đã khử khuẩn đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường phục vụ mục đích tái chế theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Chất thải nhựa được phân loại, thu gom để phục vụ mục đích tái chế hoặc xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quản lý, vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải y tế

1. Cơ sở y tế tự xử lý chất thải y tế hoặc xử lý theo mô hình cụm phải vận hành thường xuyên công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải y tế theo hướng dẫn của nhà sản xuất, bảo đảm xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và tuân thủ các quy định của pháp luật về giám sát, quan trắc môi trường.

2. Công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải y tế phải được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ theo hướng dẫn của nhà sản xuất và ghi đầy đủ thông tin vào Sổ nhật ký vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải y tế theo quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 12. Chuyển giao chất thải y tế

1. Cơ sở y tế không tự xử lý chất thải y tế phải thực hiện chuyển giao chất thải y tế theo các quy định sau đây:

a) Chất thải y tế nguy hại phải được chuyển giao cho đơn vị có giấy phép phù hợp theo quy định của pháp luật. Số lượng chất thải sau mỗi lần chuyển giao phải được ghi đầy đủ trong sổ giao nhận chất thải theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này và sử dụng chứng từ chất thải nguy hại theo quy định;

b) Chất thải rắn thông thường được chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Đơn vị nhận chuyển giao chất thải y tế phải thực hiện vận chuyển theo quy định, không làm thất thoát chất thải y tế ra bên ngoài. Chất thải y tế phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

4. Cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm do Ủy ban nhân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt; việc bàn giao chất thải y tế để xử lý theo mô hình cụm phải được ghi vào Sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương 3
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ HỒ SƠ QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ

Điều 13. Chế độ báo cáo

1. Tần suất báo cáo: Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế được lập 01 năm một lần, tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của năm thực hiện báo cáo.

2. Hình thức báo cáo: Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế được gửi bằng văn bản giấy hoặc bản điện tử hoặc qua phần mềm báo cáo.

3. Nội dung và trình tự báo cáo:

a) Cơ sở y tế báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế của cơ sở theo mẫu quy định tại Mục A Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này, gửi về Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Sở Y tế) trên địa bàn hoặc Bộ Y tế (Cục Quản lý môi trường y tế) đối với các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế trước ngày 16 tháng 12 của kỳ báo cáo;

b) Sở Y tế tổng hợp, báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế trên địa bàn theo mẫu quy định tại Mục B Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này, gửi về Bộ Y tế (Cục Quản lý môi trường y tế) trước ngày 20 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Điều 14. Hồ sơ quản lý chất thải y tế

Cơ sở y tế phải lưu giữ tại cơ sở các hồ sơ sau đây:

1. Giấy phép môi trường và các văn bản, hồ sơ, tài liệu có liên quan về môi trường theo quy định (đối với cơ sở y tế thuộc đối tượng phải xin cấp giấy phép môi trường).

2. Sổ giao nhận chất thải y tế; chứng từ chất thải nguy hại (nếu có).

3. Sổ nhật ký vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải y tế (đối với cơ sở y tế tự xử lý chất thải).

4. Các biên bản thanh tra, kiểm tra liên quan (nếu có).

5. Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế định kỳ hằng năm; báo cáo kết quả quan trắc chất thải định kỳ (nếu có).

6. Các tài liệu liên quan khác.

Chương 4
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Cục Quản lý môi trường y tế

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Thông tư này;

b) Ban hành các hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

c) Đào tạo, tập huấn, phổ biến, truyền thông các quy định về quản lý chất thải y tế cho Sở Y tế, các cơ sở y tế thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Trách nhiệm của Sở Y tế

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Thông tư này trên địa bàn quản lý;

b) Tổ chức tập huấn, phổ biến, truyền thông các quy định về quản lý chất thải y tế của Thông tư này cho các cơ sở y tế thuộc phạm vi quản lý;

c) Chỉ đạo các cơ sở y tế trực thuộc lập kế hoạch quản lý chất thải y tế;

d) Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất phân bổ kinh phí đầu tư, nâng cấp, vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải y tế đối với các cơ sở y tế thuộc thẩm quyền quản lý;

đ) Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

3. Trách nhiệm của cơ sở y tế

a) Thực hiện quản lý chất thải y tế theo quy định tại Thông tư này và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

b) Phân công lãnh đạo cơ sở y tế phụ trách về công tác quản lý chất thải y tế; bố trí cán bộ chuyên trách về công tác quản lý chất thải y tế; giao nhiệm vụ cho khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn hoặc khoa, phòng, bộ phận phụ trách về công tác quản lý chất thải y tế; bố trí người của cơ sở y tế hoặc phối hợp với đơn vị bên ngoài để thực hiện việc vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải y tế phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ (đối với cơ sở y tế tự xử lý chất thải);

c) Xây dựng kế hoạch quản lý chất thải y tế hoặc tích hợp trong kế hoạch hoạt động chung hằng năm của cơ sở y tế; bố trí kinh phí để thực hiện việc quản lý chất thải y tế;

d) Thực hiện việc xác định các loại chất thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở y tế để áp dụng biện pháp quản lý phù hợp theo quy định của Thông tư này;

đ) Thực hiện yêu cầu về kế hoạch, biện pháp, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải theo quy định của pháp luật (trong đó bao gồm cả phương án xử lý trong trường hợp lượng chất thải y tế nguy hại gia tăng bất thường do dịch bệnh hoặc lý do bất khả kháng);

e) Tổ chức đào tạo, tập huấn, truyền thông, phổ biến cho viên chức, người lao động và các đối tượng có liên quan các quy định về quản lý chất thải y tế;

g) Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Hiệu lực thi hành

a) Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022;

b) Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Tổ chức thực hiện

a) Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế, Chánh Văn phòng Bộ Y tế, Chánh Thanh tra Bộ Y tế, Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng Cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng Cục thuộc Bộ Y tế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này;

b) Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Y tế (Cục Quản lý môi trường y tế) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Xã hội của Quốc hội (để giám sát);
- Văn phòng Chính phủ (Phòng Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ);
- Bộ trưởng Nguyễn Thanh Long (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Y tế, Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, PC, MT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục số 01

DANH MỤC CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG
ĐƯỢC PHÉP THU GOM PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH TÁI CHẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	Loại chất thải	Yêu cầu
I	**Chất thải là vật liệu giấy**	
1	Giấy, báo, bìa, thùng các-tông, vỏ hộp thuốc và các vật liệu giấy	Không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, vi sinh vật gây bệnh hoặc không có yếu tố nguy hại khác vượt ngưỡng chất thải nguy hại
II	**Chất thải là vật liệu nhựa**	
1	Các chai nhựa đựng thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất.	Không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, không chứa vi sinh vật gây bệnh
2	Các chai nước giải khát bằng nhựa và các sản phẩm bằng nhựa khác sử dụng trong hoạt động sinh hoạt thường ngày	Không thải ra từ khu vực cách ly, điều trị người mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm nhóm A, nhóm B
3	Các chai dịch truyền nhựa, dây truyền dịch, bơm tiêm nhựa (không bao gồm đầu sắc nhọn), vật liệu nhựa khác	Không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, không chứa vi sinh vật gây bệnh, không chứa yếu tố nguy hại
4	Các chai dịch truyền nhựa, dây truyền dịch, bơm tiêm nhựa (không bao gồm đầu sắc nhọn), vật liệu nhựa khác đã xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường	Không chứa yếu tố nguy hại
III	**Chất thải là vật liệu kim loại**	
1	Các chai, lon nước giải khát và các vật liệu kim loại khác sử dụng trong hoạt động sinh hoạt thường ngày	Không thải ra từ khu vực cách ly, điều trị người mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm nhóm A, nhóm B
IV	**Chất thải là vật liệu thủy tinh**	
	Các vỏ chai, lọ, lọ thuốc thủy tinh thải bỏ	Không dính, chứa các loại thuốc, hóa chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất; không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, không chứa vi sinh vật gây bệnh

Phụ lục số 02

BIỂU TƯỢNG TRÊN BAO BÌ, DỤNG CỤ, THIẾT BỊ LƯU CHỨA CHẤT THẢI Y TẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. **BIỂU TƯỢNG** **CHẤT THẢI TÁI CHẾ**	**2.** **BIỂU TƯỢNG** **CẢNH BÁO CHẤT THẢI LÂY NHIỄM**
3. **BIỂU TƯỢNG** **CẢNH BÁO CHẤT THẢI DỄ CHÁY**	**4.** **BIỂU TƯỢNG** **CẢNH BÁO CHẤT THẢI NGUY HẠI** **KHÔNG LÂY NHIỄM HOẶC CẢNH BÁO CHUNG VỀ NGUY HẠI**

Ghi chú:

Trình bày, thiết kế và màu sắc của dấu hiệu cảnh báo chất thải y tế nguy hại áp dụng theo các quy định trong TCVN 5053 : 1990

Phụ lục số 03

YÊU CẦU KỸ THUẬT KHU LƯU GIỮ CHẤT THẢI TẠI CƠ SỞ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

A. Đối với hình thức tổ chức cơ sở khám, chữa bệnh là bệnh viện và cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm cơ sở y tế:

1. Khu vực lưu giữ chất thải có biển cảnh báo; có mái che cho khu vực lưu giữ; nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, không bị chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có hệ thống thu gom nước thải;

2. Trong khu lưu giữ phải phân chia các ô hoặc có dụng cụ, thiết bị lưu giữ riêng cho từng loại chất thải hoặc nhóm chất thải có cùng tính chất và có tên loại chất thải, mã số chất thải nguy hại (CTNH) (đối với chất thải y tế nguy hại), biểu tượng theo quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư với kích thước phù hợp, dễ nhận biết. Các chất thải khác nhau nhưng cùng áp dụng một phương pháp xử lý được lưu giữ trong cùng một dụng cụ, thiết bị lưu chứa.

3. Có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, đổ tràn chất thải y tế nguy hại ở dạng lỏng.

4. Có thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyềnvề phòng cháy chữa cháy.

5. Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải phải thường xuyên vệ sinh sạch sẽ và khử khuẩn.

6. Có vòi nước, dung dịch vệ sinh, khử khuẩn.

B. Đối với các cơ sở y tế khác

1. Vị trí lưu giữ chất thải có biển cảnh báo; có thùng, dụng cụ, thiết bị lưu giữ riêng có nắp đậy kín cho từng loại chất thải phát sinh hoặc nhóm chất thải có cùng tính chất và có tên loại chất thải, mã số CTNH (đối với chất thải y tế nguy hại), biểu tượng theo quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư với kích thước phù hợp, dễ nhận biết.

2. Các chất thải khác nhau nhưng cùng áp dụng một phương pháp xử lý được lưu giữ trong cùng một dụng cụ, thiết bị lưu chứa.

3. Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải phải thường xuyên vệ sinh sạch sẽ và khử khuẩn.

Phụ lục số 04

MẪU SỔ BÀN GIAO CHẤT THẢI ĐÃ KHỬ KHUẨN ĐẠT QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH TÁI CHẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20 /2021/TT-BYT ngày 26 /11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

I. Bìa sổ

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ SỞ Y TẾ

SỔ BÀN GIAO CHẤT THẢI ĐÃ KHỬ KHUẨN ĐẠT QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH TÁI CHẾ

……, ngày…….tháng……năm……

II. Nội dung ghi trong Sổ

Ngày, tháng, năm bàn giao chất thải	Lượng chất thải bàn giao (kg)				Tổng số (kg)	Người giao (ký ghi rõ họ và tên)	Người nhận (ký ghi rõ họ và tên)
	Đơn vị tính	Số lượng	Trọng lượng/túi, hộp. thùng, kiện	Mẻ số			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)x(4)	(7)	(8)
Cộng							

Ghi chú:

(2) Đơn vị tính là túi hoặc hộp hoặc thùng hoặc kiện.

Phụ lục số 05

MẪU SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH, THIẾT BỊ, HỆ THỐNG XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

I. Nhật ký vận hành lò đốt

TT	Thời điểm bắt đầu (giờ/ngày/ tháng/năm)	Ghi chép về nhiệt độ và các bất thường trong quá trình đốt	Thời điểm kết thúc (giờ/ngày/ tháng/năm)	Lượng chất thải đốt (kg)	Nhận xét về quá trình đốt và kết quả đốt	Người vận hành
1	Mẻ số…					
2	Mẻ số…					
	Cộng ngày					

II. Nhật ký vận hành thiết bị xử lý chất thải rắn lây nhiễm bằng công nghệ không đốt

Ngày tháng năm	Thông tin	Giờ khử khuẩn	Chế độ khử khuẩn		Số lượng chất thải/mẻ (kg)	Cán bộ vận hành (Ký, ghi rõ họ tên)
			Nhiệt độ (^oC)	Thời gian (phút)		
		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Mẻ số…					
	Mẻ số…					
	Cộng ngày					

III. Nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải

Ngày tháng năm	Thời điểm bắt đầu vận hành hệ thống	Ghi chép tình trạng hoạt động của hệ thống và các dấu hiệu bất thường	Thời điểm ngừng vận hành	Khử trùng nước thải	Bảo trì, bảo dưỡng/ sửa chữa, thay thế	Lưu lượng nước thải xử lý	Người vận hành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

- Cột (2), (4) Không cần ghi nếu là hệ thống vận hành tự động.
- Cột (5): Nếu áp dụng khử trùng bằng hóa chất thì cần ghi rõ loại và lượng hóa chất sử dụng. Nếu bằng phương pháp khác thì ghi tên phương pháp áp dụng.
- Cột (6): Ghi rõ bảo trì bảo dưỡng hoặc sửa chữa thay thế bộ phận nào; cá nhân, đơn vị thực hiện.
- Trường hợp cơ sở có từ 2 công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải y tế trở lên thì mỗi công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải y tế lập một sổ.

Phụ lục số 06
MẪU SỔ GIAO NHẬN CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20 /2021/TT-BYT ngày 26 /11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

I. Mẫu bìa sổ

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ SỞ Y TẾ

SỔ GIAO NHẬN CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI

……., ngày…….tháng……năm……

II. Nội dung ghi trong sổ

Ngày tháng năm	Lượng chất thải bàn giao (Kg)								Người giao chất thải (Ký ghi rõ họ và tên)	Người nhận chất thải (Ký ghi rõ họ và tên)
	Chất thải lây nhiễm				Chất thải nguy hại không lây nhiễm			Tổng số		
	Sắc nhọn	Không sắc nhọn	Nguy cơ lây nhiễm cao	Giải phẫu	Chất thải …	Chất thải …	…			
…										
Cộng tháng….										

Ghi chú:

- *Sổ giao nhận chất thải này được sử dụng thay thế cho chứng từ chất thải nguy hại đối với cơ sở y tế xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm khi bàn giao chất thải; Đối với cơ sở y tế thuê đơn vị có giấy phép xử lý CTNH phù hợp để xử lý chất thải theo mô hình tập trung được sử dụng để theo dõi lượng chất thải bàn giao trong tháng làm cơ sở để xuất chứng từ chất thải nguy hại hàng tháng;*
- *Sổ bàn giao chất thải được Chủ nguồn thải lập thành 02 Sổ, Chủ nguồn thải giữ 01 Sổ và Cơ sở xử lý chất thải giữ 01 Sổ. Mỗi lần giao nhận chất thải giữa hai bên phải điền đầy đủ thông tin và ký nhận giữa hai bên vào 02 sổ để theo dõi, đối chiếu và quản lý;*
- *Không được tẩy xóa, sửa chữa các thông tin trong sổ.*

Phụ lục số 07

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20 /2021/TT-BYT ngày 26 /11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

A. Mẫu báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế định kỳ của cơ sở y tế

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN….. **TÊN CƠ SỞ Y TẾ……**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../.....	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ

(Kỳ báo cáo: từ ngày 15/12/20….. đến ngày 14/12/20……)

Kính gửi: Sở Y tế...

Phần 1. Thông tin chung

1.1. Tên cơ sở y tế (Chủ nguồn thải): …….....…….....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Mã số quản lý chất thải nguy hại (số Chứng minh nhân dân/căn cước công dân đối với cá nhân):

Tên lãnh đạo đơn vị phụ trách : ….....; chức vụ: .....

Tên khoa/phòng/bộ phận đầu mối: .....

Tên người tổng hợp báo cáo: …….....…….....

Điện thoại:….....; Email: .....

1.2. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại (áp dụng đối với cơ sở y tế có từ 2 cơ sở trực thuộc trở lên và trình bày từng cơ sở)

Tên cơ sở (nếu có)

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

1.3. Số giường bệnh kế hoạch (nếu có): .....; Số giường bệnh thực kê: .....

1.4. Tổng số cán bộ, nhân viên của cơ sở y tế: .....; Số học sinh, sinh viên thực tập: .....

1.5. Tổng số lượt người đến khám, chữa bệnh: .....; Trong đó: ngoại trú....., nội trú: .....

1.6. Tổng lượng nước sử dụng trong kỳ báo cáo: ..... m^3.

Phần 2. Kết quả quản lý chất thải y tế tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo

2.1. Tình hình chung về quản lý chất thải y tế tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo:

2.1.1. Kết quả đào tạo, tập huấn, truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải y tế

a) Hoạt động đào tạo, tập huấn

TT	Nhóm đối tượng được đào tạo, tập huấn	Số người được đào tạo	Lượt đào tạo
1	Cán bộ lãnh đạo/quản lý		
2	Cán bộ chuyên trách quản lý chất thải y tế		
3	Nhân viên y tế		
4	Nhân viên thu gom, lưu giữ chất thải y tế		
5	Nhân viên vận hành hệ thống xử lý chất thải y tế		

Nhận xét, đánh giá:

b) Kết quả hoạt động truyền thông và phổ biến quy định về quản lý chất thải y tế

TT	Nhóm đối tượng truyền thông, phổ biến pháp luật	Nội dung	Hình thức
1			
2			

Nhận xét, đánh giá:

2.1.2. Kết quả hoạt động thanh, kiểm tra

a) Hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp trên

- Số lần được thanh tra, kiểm tra trong kỳ báo cáo: …… lần.

- Kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính:

TT	Tên cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra	Nội dung vi phạm *(nếu có, ghi rõ)*	Kết quả khắc phục vi phạm	
			Đã khắc phục	Chưa khắc phục
I	Thanh tra			
	...			
II	Kiểm tra			
	...			
III	Xử lý vi phạm hành chính			
	...			

b) Hoạt động kiểm tra, giám sát của đơn vị

TT	Tên đơn vị, bộ phận thực hiện kiểm tra, giám sát	Nội dung vi phạm *(nếu có, ghi rõ)*	Kết quả khắc phục vi phạm	
			Đã khắc phục	Chưa khắc phục
I	Kiểm tra, giám sát			
	...			
III	Xử lý vi phạm			
	...			

Nhận xét, đánh giá:

2.1.3. Kết quả quan trắc môi trường

TT	Nội dung quan trắc	Số lần quan trắc thực tế/quy định	Chỉ tiêu không đạt	Bản scan các Kết quả quan trắc kèm theo
	…			

Nhận xét, đánh giá:

2.2. Thống kê chất thải y tế phát sinh và được xử lý tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo:

(Trường hợp có các cơ sở trực thuộc, thì ngoài thống kê chất thải y tế của cơ sở, cần thống kê lần lượt đối với từng cơ sở y tế trực thuộc theo bảng dưới đây)

TT	Loại chất thải y tế	Mã chất thải nguy hại	Đơn vị tính	Số lượng chất thải phát sinh	Số lượng chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	Xử lý chất thải y tế			
						Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	
						Số lượng	Tên đơn vị chuyển giao	Số lượng	Hình thức/ Phương pháp xử lý(*)
I	**Tổng lượng chất thải y tế nguy hại**		kg/năm						
1	Tổng lượng chất thải lây nhiễm:		kg/năm						
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn		kg/năm						
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn		kg/năm						
1.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao		kg/năm						
1.4	Chất thải giải phẫu		kg/năm						
2	Tổng lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm, gồm:		kg/năm						
2.1	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng		kg/năm						
2.2	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất		kg/năm						
2.3	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất		kg/năm						
2.4	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thuỷ ngân, cadimi		kg/năm						
2.5	Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng		kg/năm						
2.6	Tổng lượng chất thải nguy hại khác		kg/năm						
II	**Tổng lượng chất thải rắn**		kg/năm						

TT	Loại chất thải y tế	Mã chất thải nguy hại	Đơn vị tính	Số lượng chất thải phát sinh	Số lượng chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	Xử lý chất thải y tế			
						Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	
						Số lượng	Tên đơn vị chuyển giao	Số lượng	Hình thức/ Phương pháp xử lý(*)
	thông thường								
III	**Tổng lưu lượng nước thải**		m^3/năm						
4.1	Nước thải y tế		m^3/năm						
4.2	Nước thải sinh hoạt		m^3/năm						

Ghi chú: (*) Hình thức/phương pháp tự xử lý chất thải y tế tại cơ sở y tế:

- Chất thải y tế nguy hại: KĐ (hấp ướt, vi sóng), C (Chôn lấp), LĐ (lò đốt 2 buồng), TC (đốt 1 buồng hoặc đốt thủ công), K (phương pháp khác);

Trường hợp một loại chất thải có áp dụng đồng thời trong kỳ báo cáo cả việc thuê xử lý và tự xử lý thì cần ghi rõ hình thức và phương pháp xử lý cho cho từng trường hợp cụ thể.

- Nước thải: HTXLNT (xử lý qua hệ thống xử lý nước thải), KT (Không xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải, chỉ khử trùng nước thải trước khi xả ra môi trường), KXL (Không xử lý, thải thẳng ra môi trường).

2.3. Thống kê xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm cơ sở y tế trong kỳ báo cáo (chỉ thực hiện đối với cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải y tế cho cụm cơ sở y tế):

TT	Loại chất thải y tế	Lượng chất thải y tế nhận từ các cơ sở y tế trong cụm (kg/năm)	Phạm vi xử lý (ghi tên các cơ sở y tế trong cụm)
…			

2.4. Thống kê lượng chất thải nhựa trong năm

TT	Loại chất thải nhựa	Số lượng phát sinh (kg/năm)	Số lượng chuyển giao để tái chế (kg/năm)	Tên đơn vị nhận chuyển giao để tái chế
1	Chất thải lây nhiễm			
2	Chất thải nguy hại không lây nhiễm			
3	Chất thải rắn thông thường:			
-	Chất thải rắn thông thường từ sinh hoạt thường ngày			
-	Chất thải rắn thông thường từ hoạt động chuyên môn y tế			
	Tổng cộng(1+2+3)			

2.5. Thống kê nhân lực thực hiện quản lý chất thải y tế

TT	Họ tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành về môi trường được đào tạo	Tham gia làm về quản lý chất thải		Chứng chỉ đào tạo về quản lý chất thải/vận hành hệ thống	
					Toàn thời gian	Kiêm nhiệm	Đối tượng được đào tạo	Đơn vị cấp chứng chỉ
I	Cán bộ chuyên trách quản lý chất thải							
…								
II	Nhân viên vận hành hệ thống xử lý chất thải (nước thải, chất thải rắn, khí thải)							
…								

2.6. Thống kê công trình/thiết bị xử lý chất thải y tế

TT	Tên công trình, thiết bị	Công nghệ xử lý	Năm đưa vào vận hành	Tình trạng hoạt động hiện nay			Công suất xử lý theo thiết kế	Công suất xử lý thực tế
				Hoạt động tốt	Hoạt động không ổn định, quá tải	Hỏng hoặc không hoạt động		
I	Thiết bị xử lý chất thải rắn y tế							
…								
II.	Công trình, hệ thống xử lý nước thải y tế							
…								

Phần 3. Kế hoạch quản lý chất thải y tế trong năm tiếp theo

Phần 4. Các vấn đề khác

Phần 5. Kết luận, kiến nghị

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

B. Mẫu báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế định kỳ của Sở Y tế

UBND TỈNH, TP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ Y TẾ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---	---
Số: ...../.....	*....., ngày... tháng... năm.....*

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NĂM ....

(Kỳ báo cáo: từ ngày 15/12/20..... đến ngày 14/12/20.....)

Kính gửi: Cục Quản lý môi trường y tế, Bộ Y tế;

Phần 1. Thông tin chung

1.1. Tên đơn vị báo cáo: .....

Địa chỉ: Điện thoại:

Tên lãnh đạo Sở Y tế phụ trách: .....; chức vụ: .....

Tên phòng đầu mối: .....

Tên người tổng hợp báo cáo: .....

Điện thoại:.....; Email: .....

Phần 2. Kết quả hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành

1. Xây dựng kế hoạch năm về quản lý chất thải y tế, đào tạo, tập huấn, truyền thông, phổ biến pháp luật, kiểm tra, giám sát (*liệt kê số hiệu văn bản, ngày ký, trích yếu văn bản).*

2. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra giám sát các cơ sở y tế thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất thải y tế *(liệt kê số hiệu văn bản, ngày ký, trích yếu văn bản).*

Phần 3. Kết quả các hoạt động quản lý chất thải y tế trong kỳ báo cáo

3.1. Tình hình chung về hoạt động quản lý chất thải y tế trong kỳ báo cáo:

a) Thông tin về số lượng cơ sở y tế hiện có, số giường bệnh, số cơ sở y tế có đủ hồ sơ liên quan đến thủ tục môi trường, liên quan đến quản lý chất thải y tế:

TT	Loại hình cơ sở y tế	Tổng số cơ sở y tế trên địa bàn	Tổng số giường bệnh *(nếu có)*
I	***Cơ sở y tế công lập:***		
1	Bệnh viện/Trung tâm y tế cấp huyện có chức năng khám, chữa bệnh		
2	Trạm y tế cấp xã		
3	Cơ sở khám, chữa bệnh khác		
4	Cơ sở y tế dự phòng		
5	Cơ sở đào tạo, nghiên cứu, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, thử nghiệm y, dược		
II	***Cơ sở y tế ngoài công lập:***		
1	Bệnh viện		
2	Cơ sở y tế tư nhân khác		

Nhận xét, đánh giá: .....

b) Kết quả đào tạo, truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải y tế:

TT	Loại hình cơ sở y tế	Số cơ sở y tế được đào tạo, tập huấn	Số cơ sở y tế thực hiện hoạt động truyền thông	Số cơ sở y tế thực hiện hoạt động phổ biến pháp luật
I	***Cơ sở y tế công lập:***			
1	Bệnh viện/Trung tâm y tế cấp huyện có chức năng khám, chữa bệnh			
2	Trạm y tế cấp xã			
3	Cơ sở khám, chữa bệnh khác			
4	Cơ sở y tế dự phòng			
5	Cơ sở đào tạo, nghiên cứu, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, thử nghiệm y, dược			
II	***Cơ sở y tế ngoài công lập:***			
1	Bệnh viện			
2	Cơ sở y tế tư nhân khác			
Tổng cộng				

Nhận xét: .....

c) Kết quả hoạt động thanh, kiểm tra

- Số lần tiến hành thanh tra, kiểm tra trong kỳ báo cáo: ..... lần.
- Kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính:

TT	Loại hình cơ sở y tế	Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở có tồn tại, vi phạm	Kết quả khắc phục tồn tại, vi phạm	
				Số cơ sở đã khắc phục	Số cơ sở chưa khắc phục
I	***Cơ sở y tế công lập:***				
1	Bệnh viện/Trung tâm y tế cấp huyện có chức năng khám, chữa bệnh				
2	Trạm y tế cấp xã				
3	Cơ sở khám, chữa bệnh khác				
4	Cơ sở y tế dự phòng				
5	Cơ sở đào tạo, nghiên cứu, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, thử nghiệm y, dược				
II	***Cơ sở y tế ngoài công lập:***				
1	Bệnh viện				

TT	Loại hình cơ sở y tế	Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở có tồn tại, vi phạm	Kết quả khắc phục tồn tại, vi phạm	
				Số cơ sở đã khắc phục	Số cơ sở chưa khắc phục
2	Cơ sở khác				

d) Kết quả quan trắc môi trường

TT	Loại hình cơ sở y tế	Quan trắc nước thải			Quan trắc khí thải			Giám sát hiệu quả xử lý của thiết vị xử lý chất thải y tế		
		Tổng số cơ sở thực hiện	Số cơ sở thực hiện đúng quy định	Số cơ sở có kết quả quan trắc đạt quy chuẩn	Tổng số cơ sở thực hiện	Số cơ sở thực hiện đúng quy định	Số cơ sở có kết quả quan trắc đạt quy chuẩn	Tổng số cơ sở thực hiện	Số cơ sở thực hiện đúng quy định	Số cơ sở có kết quả giám sát đạt quy chuẩn
I	***Cơ sở y tế công lập:***									
1	Bệnh viện/Trung tâm y tế cấp huyện có chức năng khám, chữa bệnh									
2	Cơ sở khác (ghi rõ tên)									
II	***Cơ sở y tế ngoài công lập:***									
1	Bệnh viện									
2	Cơ sở khác (ghi rõ tên)									
	Tổng cộng									

Nhận xét: Đề nghị nêu rõ các nội dung sau:

- Nhận xét về việc chấp hành quy định về tần suất quan trắc, nôi dung quan trắc, kết quả quan trắc;
- Nêu cụ thể tên các đơn vị không thực hiện đủ các nội dung quan trắc theo quy định. Lý do?

3.2. Thống kê chất thải y tế phát sinh và được xử lý trong kỳ báo cáo:

TT	Loại hình cơ sở y tế	Tổng số cơ gửi báo cáo	Chất thải lây nhiễm (kg/năm)		Chất thải nguy hại không lây nhiễm (kg/năm)		Chất thải rắn thông thường (kg/năm)		Nước thải y tế (m^3/năm)	
			Tổng số lượng phát sinh	Số lượng được xử lý đạt quy chuẩn	Tổng số lượng phát sinh	Số lượng được xử lý đạt quy chuẩn	Tổng số lượng phát sinh	Số lượng được xử lý	Tổng lưu lượng phát sinh	Số lưu lượng được xử lý đạt quy chuẩn
I	***Cơ sở y tế công lập:***									
1	Bệnh viện/Trung tâm y tế cấp huyện có chức năng khám, chữa bệnh									
2	Trạm y tế cấp xã									
3	Cơ sở khám, chữa bệnh khác									
4	Cơ sở y tế dự phòng									
5	Cơ sở đào tạo, nghiên cứu, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, thử nghiệm y, dược									
II	***Cơ sở y tế ngoài công lập:***									
1	Bệnh viện									
2	Cơ sở khác									

Nhận xét, đánh giá: .....

3.3. Tình hình hoạt động của cơ sở xử lý chất thải y tế cho cụm cơ sở y tế *(nếu có)*

TT	Nội dung	Địa điểm thực hiện	Công suất xử lý (kg/h)	Phạm vi thực hiện	Đơn vị thu gom, vận chuyển
1	Cụm….				
2	Cụm….				

Nhận xét, đánh giá: .....

3.4. Thống kê phát sinh chất thải nhựa

TT	Loại hình cơ sở y tế	Chất thải nhựa phát sinh từ sinh hoạt thường ngày		Chất thải nhựa phát sinh từ hoạt động chuyên môn y tế	
		Tổng lượng phát sinh (kg/năm)	Số lượng chuyển giao để tái chế (kg/năm)	Tổng lượng phát sinh (kg/năm)	Số lượng chuyển giao để tái chế (kg/năm)
I	***Cơ sở y tế công lập:***				
1	Bệnh viện/Trung tâm y tế cấp huyện có chức năng khám, chữa bệnh				
2	Trạm y tế cấp xã				
3	Cơ sở khám, chữa bệnh khác				
4	Cơ sở y tế dự phòng				
5	Cơ sở đào tạo, nghiên cứu, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, thử nghiệm y, dược				
II	***Cơ sở y tế ngoài công lập:***				
1	Bệnh viện				
2	Cơ sở khác				
	Tổng cộng (I+II)				

3.5. Thống kê nhân lực thực hiện quản lý chất thải y tế

TT	Loại hình cơ sở y tế	Cán bộ chuyên trách quản lý chất thải y tế				Nhân viên vận hành thiết bị, hệ thống xử lý chất thải y tế			
		Số lượng	Có chuyên ngành đào tạo về môi trường hoặc được cấp chứng chỉ đào tạo về quản lý chất thải y tế	Thời gian làm việc		Số lượng	Có chuyên ngành đào tạo về môi trường và được tập huấn về vận hành thiết bị, công trình xử lý chất thải y tế	Thời gian làm việc	
				Toàn thời gian	Kiêm nhiệm			Toàn thời gian	Kiêm nhiệm
I	***CSYT công lập:***								
1	Bệnh viện/Trung tâm y tế cấp huyện có chức năng khám, chữa bệnh								
2	Cơ sở khác								
II	***CSYT ngoài công lập:***								
1	Bệnh viện								
2	Cơ sở khác								

3.5. Thống kê công trình, hệ thống, thiết bị xử lý chất thải y tế

TT	Loại hình cơ sở y tế	Hệ thống xử lý nước thải				Thiết bị xử lý chất thải rắn y tế			
		Số lượng	Tình trạng hoạt động hiện nay			Số lượng	Tình trạng hoạt động hiện nay		
			Hoạt động tốt	Hoạt động không ổn định, quá tải	Hỏng hoặc không hoạt động		Hoạt động tốt	Hoạt động không ổn định, quá tải	Hỏng hoặc không hoạt động
I	***Cơ sở y tế công lập:***								
1	Bệnh viện/Trung tâm y tế cấp huyện có chức năng khám, chữa bệnh								
2	Trạm y tế cấp xã								
3	Cơ sở khám, chữa bệnh khác								
4	Cơ sở y tế dự phòng								
5	Cơ sở đào tạo, nghiên cứu, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, thử nghiệm y, dược								
II	***Cơ sở y tế ngoài công lập:***								
1	Bệnh viện								
2	Cơ sở khác								

Phần 4. Kế hoạch quản lý chất thải y tế trong năm tiếp theo

Phần 5. Các vấn đề khác

Phần 6. Kết luận, kiến nghị

Nơi nhận:
- …

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)